



BỘ CÔNG THƯƠNG



THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP



GREEN
CLIMATE
FUND



SHB
Đôi tác tin cậy, giải pháp phù hợp

Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành Công nghiệp Việt Nam (VSUEE)

SỔ TAY HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Đơn vị soạn thảo: Ban Quản lý Dự án Bộ Công thương
Tháng 09 năm 2024



MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG	03	3.4. XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỀU KHOẢN VAY VỐN PFI	40
1.1. TỔNG QUAN DỰ ÁN.....	04	3.5. PHÊ DUYỆT KHOẢN VAY.....	41
1.2. MỤC TIÊU DỰ ÁN.....	04	3.6. HỒ SƠ BẢO LÃNH RSF.....	43
1.3. CÁC HỢP PHẦN DỰ ÁN.....	05	3.7. PHÊ DUYỆT VÀ PHÁT HÀNH BẢO LÃNH RSF.....	43
1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH.....	06	3.8. KÝ KẾT VÀ HIỆU LỰC KHOẢN VAY PFI.....	44
2. VAI TRÒ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC BÊN THAM GIA	16	3.9. KÝ KẾT VÀ HIỆU LỰC KHOẢN VAY PFI.....	46
2.1. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA PIE.....	17	3.10. QUY TRÌNH GIẢI NGÂN.....	47
2.2. TÍNH HỢP LỆ VÀ NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC PFI.....	21	3.11. THỦ TỤC YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH.....	48
2.3. TÍNH HỢP LỆ VÀ NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC IE/ESCO.....	25	3.12. HOÀN VỐN.....	53
2.4. TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN.....	30	3.13. XỬ LÝ NHỮNG SAI SÓT NGHIÊM TRỌNG, BẤT THƯỜNG, GIAN LẬN.....	54
3. QUY TRÌNH CHO VAY VÀ BẢO LÃNH	33	3.14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	54
3.1. HỒ SƠ VAY VỐN PFI.....	34	3.15. BỔ SUNG SỬA ĐỔI.....	55
3.2. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VAY VỐN PFI.....	37	4. PHỤ LỤC	56
3.3. THẨM ĐỊNH ĐỀ XUẤT KINH TẾ VÀ KỸ THUẬT TIỂU DỰ ÁN.....	38		

BẢNG VIẾT TẮT CÁC TỪ VÀ THUẬT NGỮ

EIA: Đánh giá tác động môi trường

EE: Tiết kiệm năng lượng

EMP: Kế hoạch quản lý môi trường

EMDP: Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số

EMPF: Khung kế hoạch dân tộc thiểu số

ERMF: Khung quản lý rủi ro môi trường

ESCO: Công ty dịch vụ năng lượng

ESPC: Hợp đồng cung cấp dịch vụ năng lượng

GA: Thỏa thuận bảo lãnh GCF

GCF: Quỹ Khí hậu xanh

IA: Thỏa thuận thực hiện

IBRD: Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế

IDP: Kế hoạch phát triển thể chế

IE: Cơ sở sản xuất công nghiệp

IRR: Tỷ suất hoàn vốn nội bộ

kWh: Ki-lô-oát giờ

OM: Sổ tay hướng dẫn thực hiện

PMB: Ban quản lý Dự án

RSF: Quỹ Chia sẻ rủi ro

RPF: Khung chính sách về tái định cư

TKNL: Tiết kiệm năng lượng

VSUEE: Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành Công nghiệp Việt Nam

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Sổ tay hướng dẫn thực hiện Quỹ Chia sẻ rủi ro (“Sổ tay hướng dẫn thực hiện”) của Quỹ Khí hậu xanh (GCF) thuộc Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành Công nghiệp Việt Nam (“Dự án VSUEE” hoặc “Dự án”) mô tả việc sử dụng Quỹ Chia sẻ rủi ro và sẽ là hướng dẫn cho Đơn vị thực hiện chương trình (PIE) và PFI để thực hiện bảo lãnh RSF trong hỗ trợ đầu tư tiết kiệm năng lượng (EE) bao gồm sàng lọc Tiểu dự án hợp lệ, quy trình xem xét đánh giá, phê duyệt hồ sơ đăng ký bảo lãnh RSF, cũng như các nghĩa vụ giám sát và báo cáo của các bên liên quan. Sổ tay hướng dẫn thực hiện cũng quy định các quy trình và thủ tục thực hiện chính sách quản lý tài chính, đấu thầu và an toàn được áp dụng cho dự án VSUEE.

Nội dung của Sổ tay hướng dẫn thực hiện bao gồm:

- i. Các tiêu chí hợp lệ để bảo lãnh rủi ro tín dụng một phần (Bảo lãnh RSF) từ Quỹ RSF cho các khoản vay của Tiểu dự án tiết kiệm năng lượng được tài trợ bởi các Tổ chức tín dụng tham gia (PFI);*
- ii. Các thủ tục áp dụng và xử lý các bảo lãnh RSF từ Quỹ RSF cho các khoản vay của Tiểu dự án tiết kiệm năng lượng được tài trợ bởi các PFI (Các khoản vay PFI);*
- iii. Các biểu mẫu cần được sử dụng trong quá trình nộp hồ sơ, xem xét đánh giá, phê duyệt, giám sát và báo cáo đối với bảo lãnh RSF;*

- iv. Vai trò và trách nhiệm của mỗi bên tham gia dự án VSUEE;*
- v. Các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật, kinh tế và tài chính cũng như các tiêu chí đánh giá an toàn đối với các Tiểu dự án tiết kiệm năng lượng; và*
- vi. Các nghiên cứu điển hình để tiến hành phân tích tài chính và kinh tế.*

Cuốn tài liệu nhỏ này dựa trên nội dung Mục 5 và Mục 6 của Sổ tay hướng dẫn thực hiện, nhằm cung cấp các thông tin chính về vai trò của các Bên tham gia chủ chốt và hướng dẫn các Bên về quy trình cho vay và bảo lãnh RSF.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) là Đơn vị thực hiện chương trình (PIE) chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động của Quỹ Chia sẻ rủi ro, được Ngân hàng Thế giới và Bộ Công Thương lựa chọn, sẽ phát hành bảo lãnh RSF cho các khoản vay của PFI có mục đích đầu tư cho TKNL (Tiểu dự án hợp lệ) của IE hoặc ESCO theo quy định tại Sổ tay Hướng dẫn thực hiện.

1.1. TỔNG QUAN DỰ ÁN

Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam (VSUEE) thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực công nghiệp của Việt Nam, đồng thời góp phần đạt mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng và thực hiện triển khai các nhiệm vụ, hành động giảm phát thải nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. MỤC TIÊU DỰ ÁN



Thí điểm thực hiện cơ chế bảo lãnh tín dụng cho các dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng; tháo gỡ rào cản về tiếp cận vốn vay thương mại; tạo động lực huy động các nguồn tài chính; thúc đẩy triển khai các dự án, phát triển thị trường đầu tư tiết kiệm năng lượng.



Thúc đẩy các dự án tiết kiệm năng lượng thông qua thí điểm cơ chế chia sẻ rủi ro trong đầu tư, triển khai các dự án tiết kiệm năng lượng.



Nâng cao năng lực các bên tham gia gồm: cơ quan trung ương và địa phương, các doanh nghiệp công nghiệp, ngân hàng thương mại và đơn vị tư vấn tiết kiệm năng lượng.

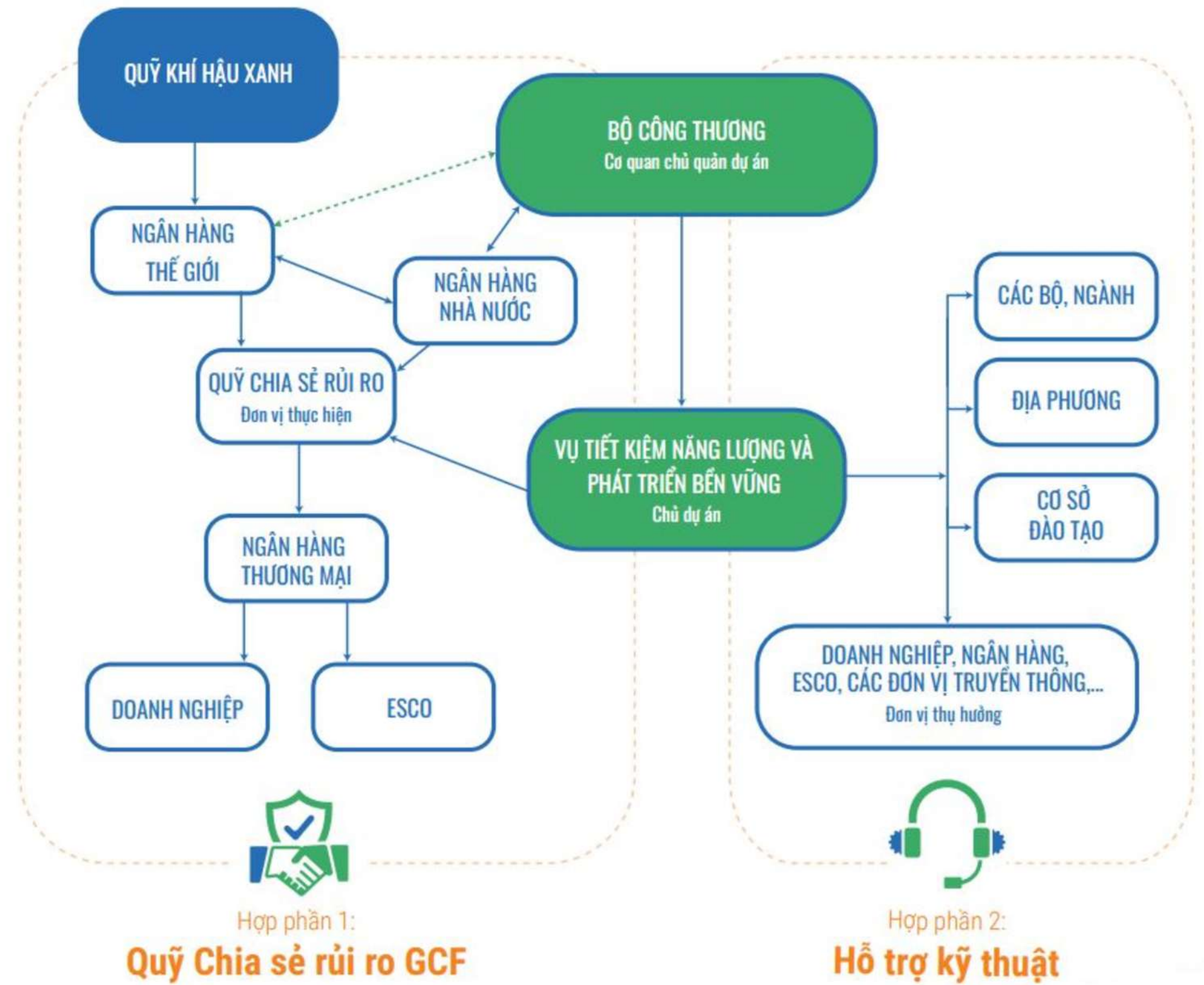


Hỗ trợ, nâng cao năng lực triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định và Thỏa thuận Paris lĩnh vực năng lượng và công nghiệp.



Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (VNEEP).

1.3. CÁC HỢP PHẦN DỰ ÁN



1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 1. Các đầu tư tiết kiệm năng lượng điển hình trong các hệ thống năng lượng

	PHÒNG NỒI HƠI với hệ thống đường ống liên quan (hơi nước, nước, nước ngưng)	Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp
A.1	Chuyển đổi nhiên liệu từ những nhiên liệu đắt tiền sang những nhiên liệu ít tốn kém hơn (bao gồm cả chất thải dễ cháy và sinh khối)	
A.2	Thay thế hoặc điều chỉnh đầu đốt nhiên liệu	
A.3	Cải tiến hệ thống điều khiển & dụng cụ (C & I), đặc biệt là kiểm soát quá trình đốt cháy bằng khí thải, oxy	
A.4	Cách nhiệt vỏ nồi hơi, đường ống phân phối, phụ kiện và các bộ phận kết nối, bể chứa, bộ phận trao đổi nhiệt và các thiết bị khác	
A.5	Thay thế các thiết bị đốt nóng bằng hơi nước công suất kém hoặc không còn hoạt động	
A.6	Thay thế hoặc sửa chữa van điều tiết và đóng van (ví dụ: trong trường hợp rò rỉ)	
A.7	Thiết kế lại và loại bỏ các đường ống không cần thiết trong hệ thống phân phối (để đơn giản hóa hệ thống)	
A.8	Tận dụng khí xả lò hơi	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 1. Các đầu tư tiết kiệm năng lượng điển hình trong các hệ thống năng lượng

A.9	Lắp đặt hệ thống hồi lưu ngưng tụ	
A.10	Hệ thống xả tự động (hoàn toàn tự động, dựa trên bộ đếm thời gian, v.v.)	
A.11	Tận dụng nhiệt thải từ hệ thống xả nồi hơi	
A.12	Cho nước vào và ngưng tụ, rồi đun nóng lại trước khi vào lò hơi	
A.13	Xử lý hóa học nước cấp và nước ngưng trước khi vào nồi hơi	
A.14	Lò hơi phân tán thay vì một lò hơi tập trung (trong các cơ sở sản xuất phân tán)	
A.15	Lắp đặt bộ tích nhiệt (nước nóng) để chạy nồi hơi ở công suất danh định càng lâu càng tốt	
A.16	Lắp đặt bộ tích tụ hơi khi có sự thay đổi đáng kể về nhu cầu hơi trong thời gian ngắn (để cân bằng các hoạt động của nồi hơi bất kể nhu cầu như thế nào và đạt được hiệu quả tối đa có thể)	
A.17	Thay thế nồi hơi quá khổ (so với nhu cầu thực tế) hoặc đã hư hỏng, nồi hơi lỗi thời và không đáng tin cậy	
A.18	Thay thế đường ống dẫn hơi quá khổ khi nhu cầu hơi (lượng tiêu thụ) giảm đáng kể để giảm tổn thất nhiệt trong phân phối hơi	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 1. Các đầu tư tiết kiệm năng lượng điển hình trong các hệ thống năng lượng

A.19	Thay thế các nồi hơi hiện tại bằng nồi hơi ngưng tụ mới (giảm tổn thất nhiệt bằng khí thải do nhiệt độ khí thải thấp hơn ở ống thông hơi), đặc biệt khi nhiên liệu là khí tự nhiên	
CÁC HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN – HỆ THỐNG KHÍ NÉN		
A.20	Giảm áp lực đến mức yêu cầu tối thiểu	
A.21	Làm mát trước lớn hơn không khí hút vào	
A.22	Thay thế bộ lọc khí đầu vào và đầu ra	
A.23	Giảm rò rỉ không khí trong các hệ thống phân phối khí nén	
A.24	Tận dụng nhiệt không khí và sử dụng nó cho quá trình sưởi ấm không gian hoặc sấy khô, v.v.	
A.25	Tách một phần của đường ống khí nén không sử dụng	
A.26	Làm sạch không khí đầu vào để đáp ứng yêu cầu về độ sạch sẽ (thiết kế) và cài đặt các phương pháp xử lý hiệu suất cao cho các ứng dụng cụ thể	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 1. Các đầu tư tiết kiệm năng lượng điển hình trong các hệ thống năng lượng

A.27	Lắp đặt máy nén riêng trong các bộ phận của hệ thống với nhu cầu khí nén rất khác nhau (so với phần chính của hệ thống)	
A.28	Sử dụng máy thổi thay cho máy nén để cung cấp không khí áp suất thấp	
A.29	Thay thế hoàn toàn hệ thống nén khí bị lỗi thời, hư hỏng đặc biệt là máy nén khí, thiết bị điều khiển và dụng cụ	
KẾT HỢP SẢN XUẤT NHIỆT VÀ ĐIỆN (CHP) - ĐỒNG PHÁT SINH NĂNG LƯỢNG		
A.30	Đồng thời phát sinh nhiệt và điện dựa trên các công nghệ đốt khí tự nhiên khác nhau	
A.31	Đồng thời phát sinh nhiệt và điện dựa trên các loại khí tổng hợp như khí sinh học (chất phân hủy), chất thải nông nghiệp và công nghiệp, sinh khối, v.v.	
A.32	Đồng phát sinh ba năng lượng khi có nhu cầu nhiệt và làm mát (ví dụ như ngành công nghiệp nước giải khát: nhu cầu gia nhiệt để thanh trùng, làm mát/làm lạnh nước để hấp thụ CO2 tốt hơn; máy làm lạnh bằng điện thay thế bằng máy làm lạnh hấp thụ chạy bằng nhiệt từ thiết bị đồng phát sinh năng lượng)	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 2. Các Đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả trong Công nghệ xử lý

	THIẾT BỊ SẤY	Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp
B.1	Nâng cấp thiết bị điều khiển và dụng cụ	
B.2	Nâng cấp bộ phận cách nhiệt của vỏ	
B.3	Lắp đặt đầu đốt đồng bộ	
B.4	Chuyển đổi nhiên liệu	
B.5	Tận dụng nhiệt thải	
B.6	Nâng cấp và tân trang trang cơ sở sản xuất	
B.7	Cải tiến các bộ phận cung cấp nhiên liệu	
B.8	Lắp đặt thiết bị tách ẩm	
B.9	Cải tiến hệ thống tuần hoàn không khí (khí thải)	
B.10	Thay thế thiết bị sấy không hiệu quả, đã bị hư hỏng	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 2. Các Đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả trong Công nghệ xử lý

CÁC BIỆN PHÁP TIẾT KIỆM ĐIỆN	
B.11	Chuyển sang biểu giá ban đêm cho một số bộ phận của cơ sở sản xuất
B.12	Điều chỉnh hệ số công suất
B.13	Sắp xếp lại quy trình sản xuất để tránh tình trạng hoạt động quá công suất tối đa
B.14	Nâng cấp/thay thế thiết bị đo điện
B.15	Thay thế bộ truyền động điện bằng bộ truyền động điện có thể điều chỉnh tốc độ mới (điều chỉnh tần số) hoặc cài đặt bộ truyền độ tốc độ biến đổi tại thiết bị quay hiện có (quạt, máy bơm, máy nén, v.v.) hoạt động ở chế độ biến đổi (dòng chất lỏng)
B.16	Thay thế bộ truyền động điện không hiệu quả bằng bộ truyền động điện hiện đại dành cho sử dụng năng lượng hiệu quả
CÔNG NGHỆ XỬ LÝ CHÍNH	
B.17	Nâng cấp thiết bị điều khiển và công cụ (C & I)
B.18	Thay thế thiết bị công nghệ xử lý không hiệu quả

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 2. Các Đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả trong Công nghệ xử lý

B.19	Tận dụng nhiệt thải (thu được từ quá trình đó) để sưởi ấm không gian, sưởi ấm qui trình, vv	
B.20	Chuyển đổi nhiên liệu (năng lượng) (ví dụ: than thay thế bằng khí trong các nhà máy gạch)	
B.21	Thay thế công nghệ xử lý chính	
	NHÀ XƯỞNG-Cải tiến hệ thống gia nhiệt, hệ thống thông gió, hệ thống điều hòa không khí (HVAC) và hệ thống chiếu sáng	
	(1) LÀM ẤM KHÔNG GIAN	
B.22	Lắp đặt hệ thống cách nhiệt cho thiết bị, đường ống phân phối, phụ kiện và van ngoài trời	
B.23	Cải tiến thiết bị điều khiển nhiệt độ (van ba chiều, bộ điều chỉnh, cảm biến nhiệt, bộ điều chỉnh nhiệt, bộ điều khiển bằng điện) và gia nhiệt theo các đường cong gia nhiệt trượt	
B.24	Áp dụng quy định nhiệt độ vùng	
B.25	Cài đặt quy định nhiệt độ dựa trên bộ điều chỉnh nhiệt trong các khu vực riêng biệt	
B.26	Lắp đặt điều khiển nhiệt độ cục bộ tại bộ tản nhiệt (van điều nhiệt)	
B.27	Nâng cấp hệ thống sưởi ấm (trạm biến áp nhiệt, thiết kế lại đường ống, thay thế van đứng và các van khác, v.v.).	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 2. Các Đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả trong Công nghệ xử lý

B.28	Lắp đặt máy bơm nhiệt	
B.29	Chuyển đổi nhiên liệu đắt tiền sang nhiên liệu ít tốn kém hơn, đặc biệt là điện sưởi ấm không gian bằng các nguồn khác	
B.30	Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để sưởi ấm không gian (năng lượng địa nhiệt, nhiệt mặt trời, sinh khối, v.v.)	
B.31	Chuyển từ sưởi ấm không gian bằng hơi nước sang sưởi ấm không gian bằng nước nóng	
(2) HỆ THỐNG THÔNG GIÓ CƠ KHÍ VÀ ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ		
B.32	Quy định nhiệt độ vùng	
B.33	Hệ thống thu hồi nhiệt thải	
B.34	Lắp đặt quạt trên mái	
B.35	Sử dụng thông gió tự nhiên khi có thể	
B.36	Thông gió vào ban đêm	
B.37	Lắp đặt hệ thống theo yêu cầu trong HVAC	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 2. Các Đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả trong Công nghệ xử lý

B.38	Áp dụng các phương pháp làm mát hấp thụ	
B.39	Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo	
	(3) HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG	
B.40	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tự động (hoạt động hẹn giờ hoặc hình thức hoạt động khác)	
B.41	Lắp đặt cảm biến ánh sáng tự nhiên cho công tắc bật/tắt	
B.42	Loại bỏ các đèn không cần thiết	
B.43	Thay thế bóng đèn sợi đốt bằng những bóng đèn hiệu quả hơn (Bóng đèn ống flou, bóng đèn natri cao áp, bóng đèn halogen kim loại)	
B.44	Di chuyển cảm biến cho công tắc bật/tắt (phòng trống, không di chuyển và ngược lại)	

1.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỂN HÌNH

Bảng 3. Các Đầu tư Sử dụng Năng lượng hiệu quả trong Sử dụng chất thải và nhiệt thải

	SỬ DỤNG CHẤT THẢI VÀ NHIỆT THẢI	Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp
C.1	Đốt chất thải dễ cháy (dạng khí, lỏng, rắn) mà không tạo ra chất gây ô nhiễm có hại hoặc nơi ô nhiễm có thể được kiểm soát một cách hiệu quả (nồi hơi, lò nung, bếp lò - trong nồi hơi và các thiết bị đồng phát sinh năng lượng và/hoặc lò và bếp lò trong công nghệ xử lý)	
C.2	Tận dụng nhiệt thải bằng cách sử dụng các bộ trao đổi nhiệt thường xuyên khi khí thải hoặc chất lỏng không bị mài mòn hoặc ăn mòn (làm nóng sơ bộ nước ngưng, nước cấp, khí đốt, sử dụng trong các hệ thống HVAC hoặc công nghệ xử lý chính)	
C.3	Tận dụng nhiệt thải của chất lỏng mài mòn hoặc ăn mòn (dạng khí, lỏng) bằng gốm hoặc các bộ trao đổi nhiệt đặc biệt khác và sử dụng nhiệt như quy định trong C.2	
C.4	Sử dụng nhiệt hơi tiềm ẩn để thay đổi áp suất (trong hệ thống hồi lưu ngưng tụ).	
C.5	Thu gom, tách, làm sạch (nếu cần thiết) các chất ngưng tụ từ các hệ thống hơi nước và đưa nó trở lại nồi hơi hoặc hệ thống đồng phát sinh năng lượng (giảm tổn thất ngưng tụ)	

CÁC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ KHÁC

D1	Do Bên vay cung cấp thông tin	
----	-------------------------------	--

2. VAI TRÒ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC BÊN THAM GIA

CÁC BÊN THAM GIA

PFI

IE/ESCO

PIE



2.1. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA PIE

PIE đóng vai trò trung tâm trong việc thực hiện Quỹ Chia sẻ rủi ro dưới sự giám sát chung của Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

i. Hoàn thiện hồ sơ dự án

- Đàm phán và triển khai Thỏa thuận với Bộ Công Thương, Ngân hàng Thế giới, và các PFI;
- Tuân thủ/đáp ứng các điều khoản của IA và GA cũng như các quy định và hướng dẫn trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện và khung quản lý rủi ro;
- Đề xuất sửa đổi nội dung Sổ tay hướng dẫn thực hiện trình Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới phê duyệt.

ii. Hỗ trợ các PFI xác định tiêu dự án và xây dựng danh mục tiềm năng

- Đưa ra hướng dẫn và tư vấn cho các PFI và các IE/ESCO trong việc thực hiện dự án VSUEE;
- Tham gia vào công tác tiếp thị và xác định tiêu dự án cho Quỹ Chia sẻ rủi ro, hỗ trợ các PFI trong các hoạt động xây dựng danh mục tiềm năng của họ khi cần thiết;
- Tạo điều kiện và tổ chức các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực khi được yêu cầu.

iii. Phát hành bảo lãnh Quỹ Chia sẻ rủi ro

- Xác nhận tính hợp lệ của các bên vay vốn và đảm bảo tuân thủ các khoản đầu tư cơ sở
- Hỗ trợ các PFI xác định tiêu dự án;
- Xem xét các hồ sơ xin cấp bảo lãnh RSF của các PFI; và phát hành bảo lãnh RSF cho PFI;
- Trước khi phát hành bảo lãnh RSF mà đã được phê duyệt, PIE kiểm tra hồ sơ xin cấp bảo lãnh tín dụng của PFI có đủ các tài liệu an toàn môi trường – xã hội (EIA/EPP/EMP) của các tiêu dự án;
- Xem xét thẩm định hồ sơ vay vốn của các PFI;
- Phê duyệt hoặc từ chối hồ sơ xin cấp bảo lãnh RSF;
- Xác định các điều khoản của bảo lãnh RSF;
- Lập các biểu mẫu và ký kết các Thỏa thuận bảo lãnh khung và Thư bảo lãnh RSF với các PFI.



2.1. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA PIE

(tiếp)

iv. Theo dõi khoản vay và danh mục đầu tư

- Theo dõi danh mục đầu tư và các khoản vay cơ sở của bảo lãnh RSF trong thời hạn phát hành bảo lãnh và thời hạn thu hồi bảo lãnh RSF; Quản lý mức độ rủi ro và an toàn vốn của danh mục đầu tư bảo lãnh RSF
- Giám sát các tiểu dự án mà đã phát hành bảo lãnh RSF nhằm tuân thủ các yêu cầu và thủ tục về môi trường và xã hội
- Giám sát giải ngân khoản vay do các PFI thực hiện với các bên vay vốn IE/ESCO đối với các tiểu dự án đã được phê duyệt;
- Giám sát các khoản thanh toán gốc và lãi của các bên vay vốn IE/ESCO cho các PFI;
- Nhận các yêu cầu thanh toán theo bảo lãnh RSF từ các PFI và xác minh lý do của các yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF này theo các điều khoản quy định trong các Thỏa thuận bảo lãnh khung và Thư bảo lãnh RSF liên quan;
- Trong trường hợp các yêu cầu thanh toán này đã được xác minh, thì sẽ thực hiện thanh toán các yêu cầu bảo lãnh RSF theo các điều khoản quy định trong các Thỏa thuận bảo lãnh khung và Thư bảo lãnh RSF;
- Thông báo cho Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới về các yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF theo quy định về yêu cầu báo cáo trong Thỏa thuận thực hiện và về các Thỏa thuận bảo lãnh GCF;
- Phối hợp với các PFI và các cơ quan chính phủ liên quan về các nỗ lực thu hồi tổn thất; đảm bảo tiếp tục nỗ lực ngay cả sau khi yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF liên quan đã được thanh toán;
- Giám sát danh mục đầu tư bảo lãnh RSF và các khoản vay trong vòng mười năm sau thời hạn phát hành bảo lãnh RSF; và
- Hàng năm theo dõi sự tuân thủ của các PFI đối với tiêu chí PFI hợp lệ.



2.1. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA PIE

(tiếp)

v. Quản lý tiền mặt

- Duy trì các tài khoản của Quỹ RSF;
- Đảm bảo Quỹ RSF có đủ dòng tiền để vận hành và chi trả các yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF;
- Lập hóa đơn và thu phí thu xếp vốn và phí trả định kỳ hàng năm của bảo lãnh RSF từ các PFI;
- Thanh toán phí bảo lãnh tín dụng GCF định kỳ cho Ngân hàng Thế giới;
- Thực hiện các khoản thanh toán bảo lãnh RSF;
- Thu các khoản tiền thu hồi liên quan đến các khoản thanh toán bảo lãnh RSF;
- Gửi yêu cầu cho Ngân hàng Thế giới theo bảo lãnh tín dụng GCF, phù hợp với các điều khoản của Thỏa thuận bảo lãnh tín dụng GCF trong trường hợp thiếu vốn của Quỹ

vi. Báo cáo

- PIE sẽ gửi báo cáo định kỳ cho Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới.

vii. Nhiệm vụ khác

- Đối với các tiểu Dự án “Đảm bảo mức tiết kiệm năng lượng” mà ESCO đã triển khai, PIE có thể phải ký Thỏa thuận ký quỹ/ Tài khoản ủy thác và tạm giữ với tư cách là Ngân hàng được ủy thác cùng với IE, ESCO và PFI.



2. VAI TRÒ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC BÊN THAM GIA

CÁC BÊN THAM GIA

PIE

IE/ESCO

PFI



2.2. TÍNH HỢP LỆ VÀ NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC PFI

2.2.1. TÍNH HỢP LỆ VÀ CÔNG NHẬN CÁC PFI

- Với sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, Bộ Công Thương tiến hành chọn các PFI tham gia Quỹ RSF dựa trên tiêu chí hợp lệ được mô tả tại Phụ lục 1.
- Các ngân hàng thương mại đáp ứng tiêu chí hợp lệ PFI sẽ được cấp Thư công nhận PFI.
- Sau khi được công nhận là PFI, các ngân hàng thương mại phải thực hiện một số hoạt động chuẩn bị trước khi ký Thỏa thuận bảo lãnh khung với PIE. Các hoạt động này bao gồm xác định danh mục tiêu dự án tiềm năng sơ bộ, chỉ định cán bộ của PFI chịu trách nhiệm điều phối dự án tham gia Quỹ RSF và tham gia các hội thảo đào tạo và tăng cường năng lực cần thiết do PIE hoặc Bộ Công Thương tổ chức.
- Để trở thành PFI, các ngân hàng thương mại quan tâm phải nộp hồ sơ bày tỏ quan tâm bằng văn bản cho PIE và Bộ Công Thương cùng với các báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất. PIE và Bộ Công Thương sẽ xem xét và đánh giá thông tin tài chính theo tiêu chí hợp lệ của PFI và sau khi xác nhận tính hợp lệ và được Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới phê duyệt, Bộ Công Thương sẽ phát hành Thư công nhận PFI cho các ngân hàng thương mại quan tâm.

2.2.2. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC PFI

i. Xác nhận về tính hợp lệ của PFI

- Cung cấp chứng nhận hàng năm (với thông tin/tài liệu hỗ trợ) xác nhận tiếp tục tuân thủ các tiêu chí hợp lệ PFI
- Báo cáo về hiệu quả thực hiện theo ID
- Ký kết Thỏa thuận bảo lãnh khung với PFI

ii. Xác định tính hợp lệ của tiểu dự án

- Thẩm định các tiểu dự án tiết kiệm năng lượng do IE/ESCO đề xuất nhằm đảm bảo tính khả thi về kỹ thuật, kinh tế và tài chính;
- Xác định tiểu dự án đáp ứng các chính sách an toàn xã hội và môi trường của Ngân hàng Thế giới và các quy định bảo vệ môi trường của quốc gia;
- Xác định tính hợp lệ của các khoản vay để được bảo lãnh từ Quỹ RSF;
- Đảm bảo các bên vay vốn đóng góp ít nhất 20% tổng chi phí đầu tư.

iii. Các điều khoản vay vốn PFI và bảo lãnh RSF

- Xác định các điều khoản vay vốn PFI dựa vào các đặc điểm của tiểu dự án;
- Xem xét giá trị của bảo lãnh RSF trong việc xác định tỷ lệ vay vốn PFI;
- Xin cấp bảo lãnh RSF;
- Chịu rủi ro tín dụng đối với khoản vốn vay mà không được Quỹ bảo lãnh RSF bảo lãnh;
- Ký Thư bảo lãnh RSF;
- Thanh toán phí bảo lãnh RSF theo như hóa đơn yêu cầu thanh toán.

iv. Xử lý khoản vay PFI

- Ký kết Thỏa thuận vay vốn với các bên vay vốn IE/ESCO;
- Giải ngân các khoản vay cho IE/ESCO theo các điều khoản của Thỏa thuận vay vốn liên quan.

2.2.2. NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC PFI

v. Báo cáo và Giám sát khoản vay PFI

- Giám sát việc thực hiện các tiểu dự án;
- Gửi báo cáo định kỳ cho PIE (Phụ lục 14 đính kèm);
- Thông báo cho PIE ngay lập tức nếu bất kỳ khoản vay nào được bảo lãnh từ Quỹ bảo lãnh RSF đang bị chậm thanh toán hoặc mất khả năng thanh toán nợ một phần hoặc toàn bộ;
- Trong trường hợp ESCO mất khả năng thanh toán nợ cho các tiểu dự án, sẽ tiến hành Theo dõi và Xác minh (M&V) thông qua một bên thứ ba để xác minh các yêu cầu thanh toán mà PFI đưa ra.

vi. Thu và hoàn vốn khoản vay PFI

- Tăng cường nỗ lực thu nợ cho các khoản vay PFI đang bị chậm thanh toán, mất khả năng thanh toán một phần hoặc toàn bộ (và do đó trở thành nợ xấu);
- Xem xét việc tái cơ cấu hoặc sắp xếp lại lịch thanh toán các khoản nợ đối với các khoản nợ xấu;
- Yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF cho các khoản vay PFI hợp lệ mất khả năng thanh toán;
- Thực hiện mọi nỗ lực thu hồi các khoản vay PFI mà đã yêu cầu được thanh toán từ bảo lãnh RSF.

viii. Nhiệm vụ khác

- Tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, hội nghị v.v... thuộc dự án;
- Cung cấp thông tin cho PIE về danh mục tiểu dự án tiềm năng;
- Định kỳ hàng năm gửi thông tin cho PIE để chứng minh tính hợp lệ liên tục theo tiêu chí hợp lệ của PFI;
- Đối với các tiểu dự án được triển khai như là dự án “Đảm bảo mức tiết kiệm năng lượng” của các ESCO, PIE có thể yêu cầu ký Thỏa thuận ký quỹ/ Tài khoản ủy thác và tạm giữ với tư cách là Ngân hàng ủy thác cùng với IE và ESCO.

2. VAI TRÒ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC BÊN THAM GIA

CÁC BÊN THAM GIA

PIE

FPI

IE/ESCO

2.3. TÍNH HỢP LỆ VÀ NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC IE/ESCO

2.3.1. TỔNG QUAN VỀ TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC IE/ESCO



- Bảo lãnh RSF chỉ có thể được cung cấp cho các khoản vay PFI cho các cơ sở sản xuất công nghiệp/ dịch vụ năng lượng hợp lệ.
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và tư nhân đều đủ điều kiện nhận bảo lãnh cho các khoản vay từ Quỹ bảo lãnh RSF miễn là các IE đó không có quyền sở hữu chéo với PFI cung cấp vốn vay. Dự án nhằm mục đích hỗ trợ các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng với tiềm năng tiết kiệm năng lượng lớn. Tất cả các IE có thể tham gia, không kể quy mô lớn hay nhỏ, miễn là IE đó đáp ứng được yêu cầu tiết kiệm năng lượng tối thiểu theo tiêu chí hợp lệ của tiểu dự án (xem mục 2.4).
- Các ESCO (bao gồm các công ty cho thuê), cung cấp một loạt các dịch vụ để thực hiện các dự án tiết kiệm năng lượng theo thỏa thuận dựa vào hiệu quả, theo đó người dùng cuối trả phí dịch vụ từ khoản tiết kiệm năng lượng đã được chứng minh, cũng đủ điều kiện tham gia cho vay tín dụng.

2.3.2. TIÊU CHÍ HỢP LỆ CỦA CÁC IE/ESCO

PFI sẽ đánh giá tính hợp lệ của mỗi IE/ESCO như là một phần trong công tác thẩm định hồ sơ xin vay vốn của PFI và PIE sẽ xác nhận tính hợp lệ đó như là một phần trong công tác thẩm định hồ sơ xin cấp bảo lãnh RSF dựa vào các thông tin và các tài liệu hỗ trợ do PFI nộp. Để hợp lệ, một IE/ESCO cần đáp ứng các tiêu chí sau:

- Cơ sở sản xuất công nghiệp/ dịch vụ năng lượng (IE/ESCO):
- Được đăng ký và hoạt động theo các quy định và pháp luật Việt Nam liên quan;
- Cung cấp các biện pháp bảo đảm đạt yêu cầu cho khoản vay do PFI xác định;
- Có kế hoạch kinh doanh và mục đích vay vốn đạt yêu cầu cho khoản vay được đề xuất;
- Phải chứng minh khả năng tài chính để trả nợ trong thời hạn vay;
- Không có nợ dưới chuẩn tại các tổ chức tín dụng được thể hiện trên CIC tại thời điểm xin cấp bảo lãnh RSF;
- Không vi phạm bất kỳ chế tài xử phạt nào như được mô tả trong Phụ lục 11;
- Không có quyền sở hữu chéo với các PFI cung cấp vốn vay; và
- Hoàn thành các yêu cầu tiết kiệm năng lượng tối thiểu (xem Phần 2.4).



2.3.3. CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC IE/ESCO

i. Lập nghiên cứu khả thi, cung cấp thông tin và lập tiểu dự án

- ESCO tiến hành kiểm toán năng lượng chi tiết tại cơ sở của IE để lập hiện trạng tiêu hao năng lượng ban đầu (nếu cần thiết);
- IE và ESCO lập hồ sơ tiểu dự án bao gồm: Nghiên cứu khả thi (FS) và nếu được yêu cầu, Kế hoạch quản lý môi trường (EMP), Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và/hoặc Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) để nộp cho PFI và các tài liệu khác theo đúng quy định;
- IE và ESCO đảm bảo cung cấp các hồ sơ tiểu dự án bao gồm tất cả thông tin và tài liệu cần thiết cho PFI và PIE để xác minh rằng đã đáp ứng tất cả các yêu cầu của Quỹ bảo lãnh RSF;
- ESCO soạn hợp đồng hiệu quả tiết kiệm năng lượng chi tiết có tham vấn của IE;
- ESCO xây dựng phương pháp luận và kế hoạch M&V có sự tham vấn của IE.

ii. Tuân thủ các yêu cầu vay vốn của PFI

- IE và ESCO cung cấp ít nhất 20% tổng chi phí đầu tư của tiểu dự án;
- IE và ESCO cung cấp tài sản thế chấp vay vốn cho PFI có sử dụng các tài sản được mua sắm từ tiểu dự án nếu có yêu cầu của PFI.

iii. Quy trình vay vốn PFI đối với mô hình chia sẻ mức tiết kiệm

- ESCO nộp hồ sơ vay vốn cùng với tất cả các tài liệu cần thiết cho PFI;
- ESCO ký kết Thỏa thuận vay vốn với PFI và sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả theo Thỏa thuận vay vốn;
- ESCO mua sắm hàng hóa, thi công và dịch vụ cho tiểu dự án một cách kinh tế và hiệu quả sao cho các hạng mục được mua có chất lượng đạt yêu cầu, được giao hoặc hoàn thành đúng thời hạn và được định giá để không ảnh hưởng xấu đến khả năng kinh tế và tài chính của Tiểu dự án.



2.3.3. CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC IE/ESCO

(tiếp)

iv. Quy trình vay vốn PFI đối với mô hình đảm bảo mức tiết kiệm

- ESCO ký hợp đồng thực hiện hiệu quả năng lượng;
- ESCO ký Thỏa thuận về Tài khoản ký quỹ/ Tài khoản ủy thác và tạm giữ với PFI, IE và PIE với tư cách là Ngân hàng được ủy thác;
- ESCO xác định quyền sở hữu tài sản trong và sau khi trả nợ khoản vay PFI trong Hợp đồng hiệu quả năng lượng.

v. Thực hiện các chính sách an toàn xã hội và môi trường

- IE và ESCO chuẩn bị và triển khai EMP, RAP và EMDP cho từng tiểu dự án cụ thể có sự thống nhất với các khung ESMF, RPF và EMDF của dự án (nếu có).

vi. Nhiệm vụ khác

- IE và ESCO tham gia các khóa đào tạo thuộc dự án;
- IE và ESCO cung cấp thông tin liên quan đến tiểu dự án cho PIE theo yêu cầu.



2.3.3. CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA CÁC IE/ESCO

(tiếp)

vii. Đối với các tiểu dự án do ESCO thực hiện, IE phải thực hiện thêm các hoạt động sau:

- Trong trường hợp có Thỏa thuận “Đảm bảo mức tiết kiệm năng lượng” với ESCO: ký kết hỏa thuận ký quỹ/ Tài khoản ủy thác và tạm giữ với PFI và ESCO và PIE với tư cách là Ngân hàng ủy thác;
- Nộp tiền tương ứng với giá tiết kiệm năng lượng đạt được do thực hiện dự án tiết kiệm năng lượng vào Tài khoản ký quỹ/ Tài khoản ủy thác và tạm giữ theo kế hoạch đã ký kết;
- Hỗ trợ ESCO giải quyết tình trạng kém hiệu quả về kỹ thuật của dự án tiết kiệm năng lượng đã thực hiện (nếu cần)
- Hỗ trợ chuyên gia tư vấn ESCO/M&V/ bất kỳ cơ quan thứ ba nào được PIE chỉ định để đánh giá mức tiết kiệm năng lượng thực tế của dự án tiết kiệm năng lượng đã thực hiện.

viii. Theo dõi và thực hiện tiểu dự án

- Thực hiện lắp đặt, chạy thử, vận hành, duy tu, bảo dưỡng tiểu dự án;
- Đào tạo cán bộ của IE, khi cần thiết, về thực hiện tiểu dự án;
- Đo đạc và xác minh mức tiết kiệm năng lượng bằng cách sử dụng kế hoạch M&V và gửi báo cáo M&V cho PFI
- Giải quyết tình trạng kém hiệu quả về mặt kỹ thuật của dự án tiết kiệm năng lượng đã thực hiện, khi được yêu cầu, có tham khảo ý kiến của IE.

2.4. TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN

IE/ESCO và PFI phải đảm bảo rằng mọi tiểu dự án được đề xuất cần bảo lãnh RSF đều đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật, môi trường và xã hội, tiết kiệm năng lượng và kinh tế được nêu dưới đây (xem Phụ lục 5 để biết thêm chi tiết và ví dụ):

i. Tính hợp lệ về kỹ thuật của tiểu dự án

Các loại tiểu dự án chính hợp lệ để được tài trợ vốn thuộc dự án VSUEE là đầu tư vào cải tạo và nâng cấp (điều chỉnh, thay thế) các cấu phần và hệ thống hiện có để đạt được hiệu quả năng lượng. Các tiểu dự án đầu tư mẫu bao gồm:

1. Thay thế các công nghệ công nghiệp kém hiệu quả bằng các công nghệ tiết kiệm năng lượng như nồi hơi công nghiệp hiệu suất cao, lò nung và hệ thống trao đổi nhiệt hiệu quả hơn;
2. Thu hồi và sử dụng khí phụ phẩm, nhiệt thải và áp suất;
3. Lắp đặt các trang thiết bị điện, cơ điện hiệu quả cao, bao gồm động cơ chiếu sáng, máy bơm, thiết bị sưởi ấm và thông gió;
4. Tối ưu hóa hệ thống công nghiệp để giảm thiểu năng lượng sử dụng;
5. Các tiểu dự án khác được Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới chấp thuận.



2.4. TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN

ii. Tính hợp lệ về mặt kinh tế của tiểu dự án

Có thể tải xuống bảng tính và hướng dẫn phân tích kinh tế từ trang web của PMB: <http://www.tietkiemnangluong.com.vn> hoặc gửi yêu cầu trực tiếp cho PMB. IE/ESCO cũng phải hoàn thành bảng phân tích tài chính do PMB cung cấp qua trang web: <http://tietkiemnangluong.com.vn>. Lưu ý rằng cả phân tích kinh tế và tài chính đều phải được hoàn thành cùng với các yêu cầu khác của PFI như là một phần của thủ tục thẩm tra thương mại tiêu chuẩn.

Tất cả các tiểu dự án hợp lệ phải đáp ứng các tiêu chí kinh tế sau:

1. Chứng minh mức tiết kiệm năng lượng tối thiểu đạt được là mười phần trăm (10%), (mức tiết kiệm năng lượng thấp hơn có thể được chấp nhận đối với các ngành cụ thể có công nghệ năng lượng tiên tiến) bằng cách áp dụng công thức sau;
2. $Es = (Eb - Ea) / Eb * 100\%$

Trong đó:

- Es – Mức tiết kiệm năng lượng, %
 - Eb – Mức tiêu thụ năng lượng trước khi thực hiện Tiểu dự án, (kWh, kJ, TOE)
 - Ea - Mức tiêu thụ năng lượng sau khi thực hiện tiểu dự án, (kWh, kJ, TOE)
 - Các dự án về thu hồi khí thải, nhiệt thải được xem là hợp lệ mà không cần phải chứng minh về tỷ lệ tiết kiệm năng lượng tối thiểu.
 - Các ví dụ về tiểu dự án được trình bày tại Phụ lục 5.
3. Có dự án với thời gian hoàn vốn trong vòng mười (10) năm;
 4. Có IRR phải cao hơn mười phần trăm (10%)

2.4. TÍNH HỢP LỆ CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN

iii. Tính hợp lệ về môi trường và xã hội của tiểu dự án

- IE cần có các phê duyệt về môi trường cần thiết từ các cơ quan có thẩm quyền về môi trường cấp nhà nước, cấp tỉnh, địa phương và gửi các bản sao tất cả các tài liệu phê duyệt cần thiết cho PFI. Các tiểu dự án phải được sàng lọc về độ an toàn và tuân thủ các yêu cầu về môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới và các quy định trong nước về môi trường và xã hội.
- Mẫu sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án được đính kèm trong Phụ lục 4 và thông tin chi tiết về đánh giá tính hợp lệ của tiểu dự án được nêu tại Phụ lục 5.



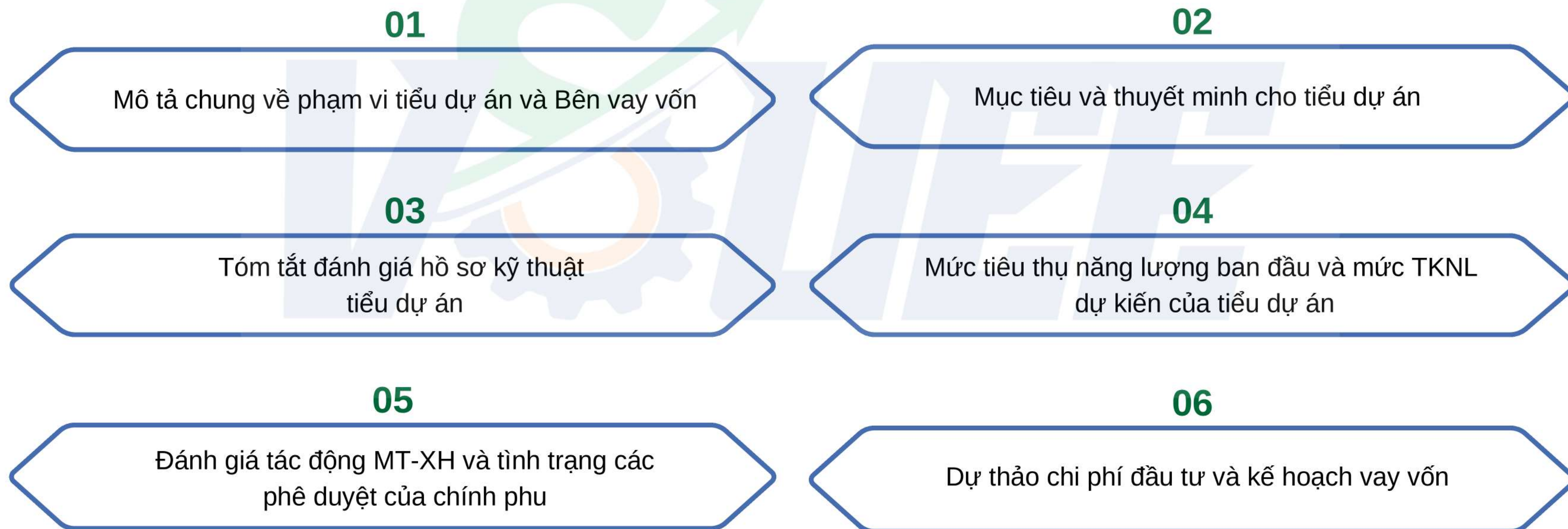


3. QUY TRÌNH CHO VAY VÀ BẢO LÃNH

3. QUY TRÌNH CHO VAY VÀ BẢO LÃNH

3.1. HỒ SƠ VAY VỐN PFI

Quy trình phát hành bảo lãnh RSF bắt đầu với quy trình vay vốn PFI. Bước đầu tiên trong quy trình là IE/ESCO gửi hồ sơ vay vốn cho PFI và thông tin tiêu chuẩn theo yêu cầu của PFI cũng như các thông tin sau:



3. QUY TRÌNH CHO VAY VÀ BẢO LÃNH

3.1. HỒ SƠ VAY VỐN PFI

IE/ESCO cũng cần nộp các bản sao chính thức các tài liệu sau:

01

Nghiên cứu khả thi hoặc đề xuất đầu tư của tiểu dự án

02

Báo cáo kiểm toán năng lượng sơ bộ

03

Phân tích tài chính dự án

04

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên vay vốn trong ba năm trở lại

05

Tài liệu môi trường và xã hội

06

Phê duyệt về môi trường của Chính phủ (nếu cần)

07

Phê duyệt thực hiện tiểu dự án của Chính phủ (nếu cần)

08

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký/thành lập IE/ESCO

09

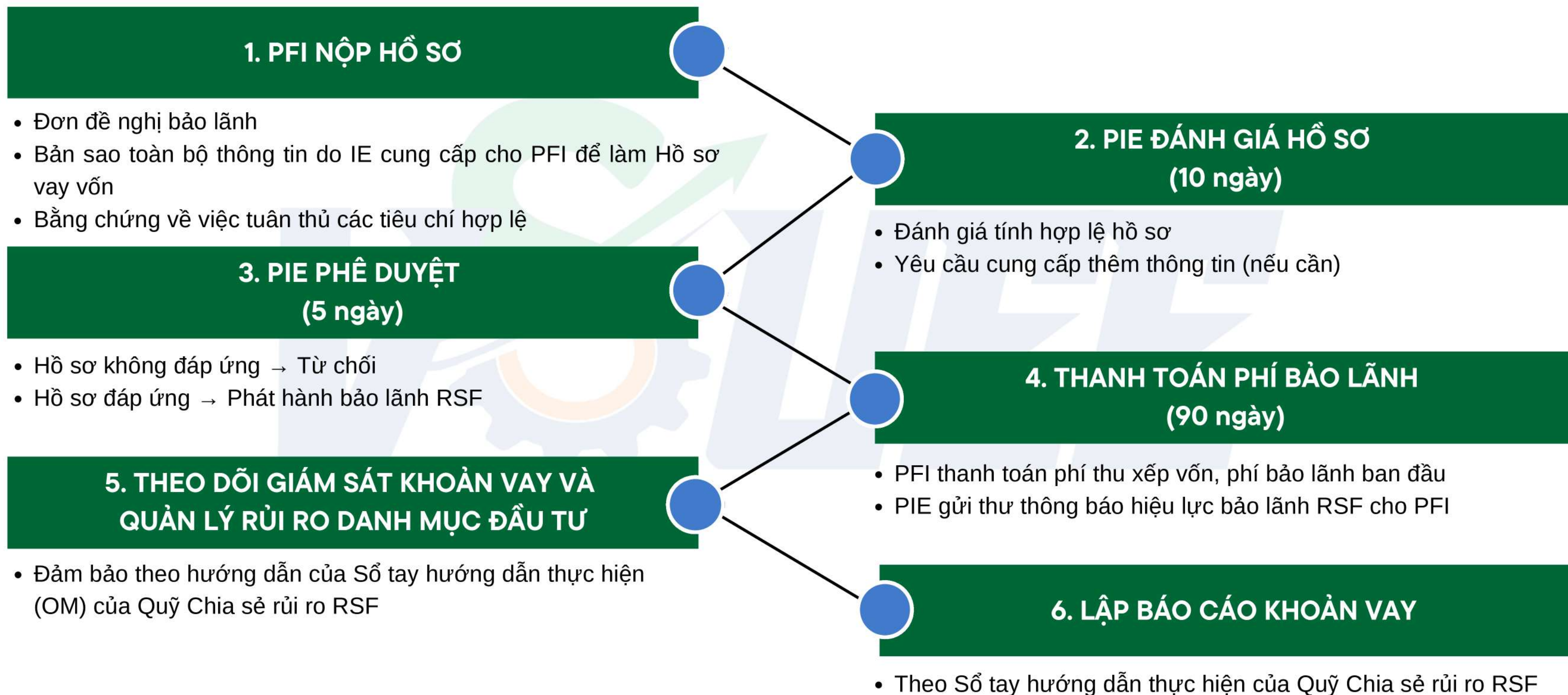
Đối với các ESCO: Bản sao ESPC đã ký trong trường hợp thực hiện hợp đồng đảm bảo mức tiết kiệm

10

Các tài liệu khác có liên quan

3. QUY TRÌNH CHO VAY VÀ BẢO LÃNH

3.1. HỒ SƠ VAY VỐN PFI



3.2. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VAY VỐN PFI

PFI sẽ xem xét hồ sơ vay vốn dựa vào các thông tin đã nộp. Nhóm đánh giá hồ sơ vay vốn có thể bao gồm một chuyên gia kỹ thuật về tiết kiệm năng lượng, một chuyên gia về môi trường và xã hội hoặc một chuyên gia đo lường và kiểm tra xác nhận tiết kiệm năng lượng hoặc PFI có thể thuê các chuyên gia này hỗ trợ đánh giá khi cần thiết. PFI có thể yêu cầu IE/ ESCO làm rõ thông tin về việc tuân thủ các tiêu chí về tính hợp lệ của tiểu dự án hoặc chính sách đánh giá tín dụng của chính PFI



3.3. THẨM ĐỊNH ĐỀ XUẤT KINH TẾ VÀ KỸ THUẬT TIỂU DỰ ÁN

PFI sẽ tiến hành thẩm định kỹ đề xuất kỹ thuật và kinh tế của tiểu dự án dựa vào nghiên cứu khả thi hoặc đề xuất kỹ thuật của tiểu dự án do bên vay vốn IE/ESCO lập (xem Phụ lục 5 để biết thêm chi tiết). Thẩm định đề xuất kỹ thuật và kinh tế sẽ xem xét ở các khía cạnh sau đây:



i. Lý do đưa ra và lợi ích của đề xuất kỹ thuật tiểu dự án

Đề xuất cải tạo hoặc nâng cấp kỹ thuật bao gồm đánh giá và so sánh các phương án thay thế thiết kế hệ thống, công nghệ chính và các lựa chọn quy trình cũng như lựa chọn thiết bị; độ tin cậy, hiệu quả và khả năng tương thích của thiết kế hệ thống mới, công nghệ, quy trình, thiết bị và sản phẩm với các hệ thống hiện có; bao gồm các thay đổi dự kiến về các thông số và chỉ số kỹ thuật (của công nghệ, quy trình, thiết bị, hệ thống, sản phẩm, công suất sản xuất) trước và sau khi thực hiện Tiểu dự án.

ii. Kế hoạch thực hiện tiểu dự án

Kế hoạch chi tiết thực hiện tiểu dự án và các bên dự kiến sẽ tham gia thực hiện tiểu dự án; phân tích các hạn chế và thách thức gặp phải trong quá trình thực hiện và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.

iii. Chi phí đầu tư tiểu dự án

Phân tích các chi phí thiết bị, công xây và tư vấn liên quan đến tiểu dự án, và cơ sở lập dự toán; đánh giá tổng chi phí đầu tư, bao gồm cả lãi trong quá trình xây dựng và chi phí dự phòng.

3.3. THẨM ĐỊNH ĐỀ XUẤT KINH TẾ VÀ KỸ THUẬT TIỂU DỰ ÁN

iv. Kiểm toán NL sơ bộ về TKNL

Nghiên cứu và phân tích sử dụng năng lượng của doanh nghiệp thụ hưởng hoặc đơn vị, nhà máy liên quan hoặc khu vực của doanh nghiệp thụ hưởng nơi mà tiểu dự án sẽ được thực hiện để lập dữ liệu tiêu thụ năng lượng cơ sở. Hiện trạng tiêu thụ điện năng gồm dữ liệu về tất cả các dạng năng lượng tiêu thụ trong thời hạn 1 năm, tốt nhất là trong hai năm qua. Ngoài số lượng năng lượng đã tiêu thụ, mức chi tiêu trung bình trong kỳ cho mỗi dạng năng lượng nên được liệt kê. Cần đưa ra chi tiết về mức tiêu thụ năng lượng dự kiến sau khi thực hiện tiểu dự án và theo các giả định.

v. Thẩm định đề xuất kinh tế và tài chính

Xác nhận tính hợp lệ của đề xuất kinh tế và tài chính dựa trên các tiêu chí được nêu tại Mục 2.4

vi. Đo lường và kiểm tra xác nhận

Đánh giá kế hoạch M&V xác nhận để đảm bảo tính nhất quán với phương pháp M&V thông thường được chấp nhận



3.4. THẨM ĐỊNH ĐỀ XUẤT MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

PFI sẽ xem xét tất cả các tài liệu về môi trường và xã hội do IE/ESCO cung cấp và xác định việc tuân thủ các yêu cầu về môi trường và xã hội trong nước và Ngân hàng Thế giới. Thông tin chi tiết xin xem ở Phần 9 về Các yêu cầu đối với chính sách an toàn môi trường và xã hội.



3.5. XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỀU KHOẢN VAY VỐN PFI

Ban đầu PFI nên xác định các điều khoản vay vốn tiêu chuẩn (số tiền, kỳ hạn, tiền gốc, lãi suất, thời gian ân hạn, yêu cầu tài sản thế chấp) dựa trên thông lệ thương mại thông thường. Sau đó, PFI nên tính đến lợi ích gia tăng tín dụng dựa trên các điều khoản vay vốn từ bảo lãnh RSF được xếp hạng AAA. Đặc biệt, dự kiến lãi suất cho vay sẽ được định giá dựa vào nguyên tắc PFI chịu 50% rủi ro và Ngân hàng Thế giới chịu 50% rủi ro.

Các khoản vay PFI cần được xem xét để được bảo lãnh theo bảo lãnh RSF sẽ cần phải đáp ứng các giới hạn sau:

1. Đồng tiền là USD hoặc VND (tuân thủ các quy định của Chính phủ);
2. Khoản vay không quá 15 triệu USD (trong đó 50% được bảo lãnh);
3. Khoản vay không dưới 250.000 USD;
4. Hạn mức bên cho vay đơn lẻ: Một PFI đơn lẻ không được có hơn 50 triệu USD vốn vay được bảo lãnh (nghĩa là không quá 25 triệu USD nợ bảo lãnh RSF);
5. Hạn mức bên vay đơn lẻ: Một IE/ESCO đơn lẻ không được có hơn 50 triệu USD vốn vay được bảo lãnh (nghĩa là không quá 25 triệu USD nợ bảo lãnh RSF).
6. Tổng số tiền bảo lãnh RSF còn tồn đọng tại bất kỳ thời điểm nào liên quan đến một tiểu ngành công nghiệp cụ thể (theo quy định của Bộ Công Thương) không được vượt quá 25 triệu USD.
7. Thỏa thuận vay vốn PFI phải yêu cầu IE hoặc ESCO liên quan cung cấp cho PFI thông tin tài chính chi tiết bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo định kỳ 6 tháng 1 lần cũng như báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm theo quy định và điều khoản cho phép PFI chia sẻ tất cả thông tin đó cho PIE, Bộ Công Thương, Ngân hàng Thế giới và Quỹ Khí hậu xanh.

3.5. XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỀU KHOẢN VAY VỐN PFI



8. Thỏa thuận vay vốn PFI phải yêu cầu IE hoặc ESCO cung cấp cho PFI các báo cáo tiến độ nửa năm về tiến độ thực hiện Tiểu dự án, bao gồm tiến độ lắp đặt, mức tiết kiệm năng lượng được kiểm chứng và lượng giảm phát thải khí nhà kính, cũng như điều khoản cho phép PFI chia sẻ tất cả các báo cáo đó với PIE, Bộ Công Thương, Ngân hàng Thế giới và Quỹ Khí hậu xanh.

9. Nghĩa vụ của IE/ESCO trong việc thực hiện tiểu dự án theo các khung an toàn môi trường và xã hội hiện hành trong nước và của Ngân hàng Thế giới.

10. Nghĩa vụ của PFI trong việc tuân thủ các điều khoản chống tham nhũng và tính trung thực của Ngân hàng Thế giới, bao gồm các điều khoản liên quan đến chế tài xử phạt.

11. PFI có quyền tự kiểm tra hoặc kiểm tra cùng với Bộ Công Thương, Ngân hàng Thế giới và/hoặc Quỹ Khí hậu xanh bất kỳ hàng hóa nào được mua bằng tiền vay vốn, địa điểm tiểu dự án cũng như các hồ sơ ghi chép và thông tin bổ sung liên quan đến tiểu dự án.

12. Nghĩa vụ của IE/ESCO trong việc mua bảo hiểm đầy đủ cho toàn bộ rủi ro liên quan đến tiểu dự án theo quy định của PFI.

13. Quyền của PFI để đình chỉ hoặc chấm dứt khoản vay khi IE/ESCO không tuân thủ các nghĩa vụ qui định trong Thỏa thuận vay vốn.

Ngoài ra, tất cả các tài liệu vay vốn PFI phải bao gồm các điều khoản được nêu tại Phụ lục 6.

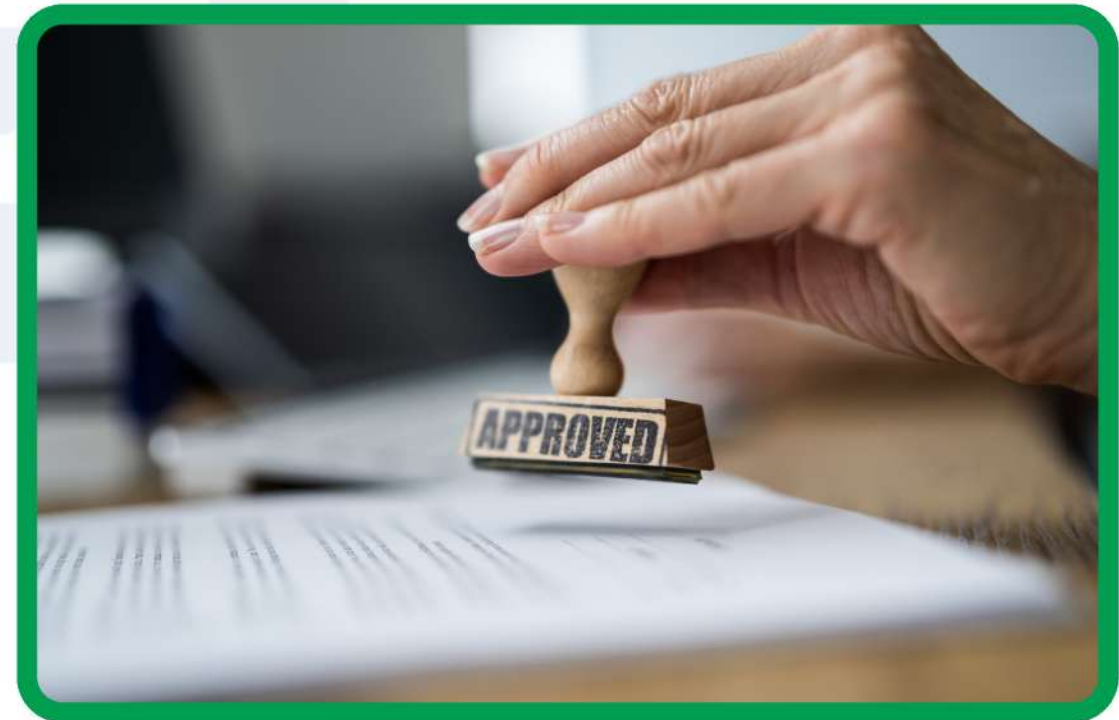
3.6. PHÊ DUYỆT KHOẢN VAY

Sau khi xác định các điều khoản vay vốn PFI, PFI phải xin phê duyệt nội bộ tạm thời cho khoản vay được đề xuất.

3.7. HỒ SƠ BẢO LÃNH RSF

Sau khi đánh giá nội bộ đạt yêu cầu và xin phê duyệt tạm thời cho khoản vay PFI, PFI sẽ nộp hồ sơ bảo lãnh RSF cho PIE (xem Phụ lục 7). Hồ sơ bảo lãnh RSF phải ở định dạng như đã cung cấp cho PFI trong Thỏa thuận bảo lãnh khung (xem Phụ lục 8) và phải bao gồm các hạng mục sau:

1. Bản sao toàn bộ thông tin do IE cung cấp cho PFI để làm hồ sơ vay vốn PFI
2. Bằng chứng về việc tuân thủ các tiêu chí hợp lệ quan trọng
3. Các tài liệu khác được nêu trong Thỏa thuận bảo lãnh khung



3.8. PHÊ DUYỆT VÀ PHÁT HÀNH BẢO LÃNH RSF

15 NGÀY

PIE sẽ xem xét hồ sơ do PFI gửi trong vòng 15 ngày làm việc, yêu cầu bổ sung thông tin, nếu cần.

20 NGÀY

Nếu PIE xác định rằng các thông tin đã cung cấp cần phải được xác nhận trực tiếp với Bên vay vốn, PIE sẽ có 20 ngày để xem xét thông tin.

10 NGÀY

PIE dự kiến sẽ xem xét mọi thông tin bổ sung được cung cấp trong vòng 5 ngày làm việc từ khi nhận được thông tin bổ sung đó.

Sau khi hoàn thành bước đánh giá hồ sơ, PIE sẽ phê duyệt các hồ sơ đáp ứng các tiêu chí hợp lệ cần thiết và từ chối những hồ sơ không đáp ứng các tiêu chí trên trong vòng 5 ngày làm việc.

Sau khi phê duyệt hồ sơ Bảo lãnh RSF, PIE sẽ nhanh chóng phát hành Thư bảo lãnh RSF cho PFI để bảo lãnh cho khoản vay PFI

3.8. PHÊ DUYỆT VÀ PHÁT HÀNH BẢO LÃNH RSF

3 HỒ SƠ ĐẦU TIÊN CỦA PFI

- Đối với 3 hồ sơ xin cấp bảo lãnh RSF đầu tiên, PIE phải đến gặp bên vay vốn và thăm địa điểm thực hiện đề xuất đầu tư để xác minh thông tin do PFI cung cấp. Đối với những bộ hồ sơ xin cấp bảo lãnh ban đầu, PIE phải đảm bảo rằng PFI phải lập báo cáo thẩm định đầu tư theo các tiêu chuẩn của ngân hàng.
- Sau 3 hồ sơ xin cấp bảo lãnh RSF đầu tiên, PIE cũng có thể tiến hành xác minh tại địa điểm thực hiện tiểu dự án của 1 PFI hoặc một tiểu dự án đề xuất mà PIE cho rằng đặc biệt rủi ro hoặc cần xem xét bổ sung. Trong tất cả các trường hợp đó, PIE sẽ có 20 ngày làm việc để đánh giá.
- Lưu ý rằng PIE phải xin phê duyệt của Ngân hàng Thế giới đối với 3 hồ sơ xin cấp bảo lãnh tín dụng đầu tiên. Ngân hàng Thế giới sẽ trả lời yêu cầu phê duyệt trong vòng 5 ngày làm việc.

3.9. KÝ KẾT VÀ HIỆU LỰC KHOẢN VAY PFI

Sau khi nhận được Thư bảo lãnh RSF từ PIE, PFI sẽ phê duyệt chính thức đối với khoản vay PFI. PFI và IE/ESCO ký Thỏa thuận vay vốn PFI. Sau khi thanh toán các phí bảo lãnh RSF thì bảo lãnh RSF sẽ có hiệu lực. Tổng quan về hồ sơ bảo lãnh RSF, quy trình phê duyệt và phát hành kèm theo tiến độ thực hiện được trình bày trong Hình sau:

PFI NỘP HỒ SƠ XIN CẤP BẢO LÃNH TÍN DỤNG		
PFI nộp Hồ sơ xin cấp Bảo lãnh tín dụng RSF cùng các giấy tờ chứng minh, sử dụng mẫu hồ sơ được cấp trong Thỏa thuận bảo lãnh khung.		
PIE XEM XÉT ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ (TRONG VÒNG 10 NGÀY LÀM VIỆC KỂ TỪ KHI NHẬN HỒ SƠ)		
Xem xét đánh giá thông tin được nộp và tính hợp lệ của Hồ sơ yêu cầu bảo lãnh		Yêu cầu cung cấp thêm thông tin (nếu cần). (PIE xem xét trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận)
PIE PHÊ DUYỆT/ TỪ CHỐI HỒ SƠ XIN CẤP BẢO LÃNH (TRONG VÒNG 5 NGÀY LÀM VIỆC SAU KHI ĐÁNH GIÁ)		
Từ chối Hồ sơ xin cấp bảo lãnh không đáp ứng tiêu chí yêu cầu.		Đối với Hồ sơ được phê duyệt PIE phát hành Bảo lãnh tín dụng RSF cho PFI.
PFI THANH TOÁN PHÍ VÀ HIỆU LỰC BẢO LÃNH (TRONG VÒNG 90 NGÀY LÀM VIỆC)		
PFI thanh toán các khoản phí áp dụng.	PFI nhận phê duyệt chính thức vay vốn PFI và ký thỏa thuận vay vốn PFI.	Từ chối Hồ sơ xin cấp bảo lãnh không đáp ứng tiêu chí yêu cầu.

3.10. QUY TRÌNH GIẢI NGÂN

01

IE/ESCO gửi yêu cầu giải ngân cho PFI về giải ngân số tiền cho vay để chi trả các chi phí của tiểu dự án

02

PFI phê duyệt yêu cầu giải ngân và thanh toán tiền giải ngân cho IE/ESCO, hoặc cho nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ, hoặc cho cả hai theo quy định của Thỏa thuận vay vốn hiện hành

3.11. THỦ TỤC YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH

3.11.1. KHÔNG THANH TOÁN THEO KHOẢN VAY PFI

Nếu bên vay vốn IE/ESCO không thanh toán nợ theo lịch trình, thì PFI sẽ tuân theo các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại và dự phòng cho các khoản nợ xấu. Sau việc không thanh toán khoản vay, PFI sẽ tăng cường nỗ lực đòi nợ và xúc tiến các thủ tục tái cơ cấu hoặc thu hồi liên quan khác (Ví dụ: thủ tục tố tụng tại tòa hoặc thu giữ tài sản thế chấp).

3.11.2. ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT ĐỂ YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH RSF

PFI có thể gửi yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF sau khi các điều kiện tiên quyết sau đây được đáp ứng:

1. Khoản vay PFI được bảo lãnh đã quá hạn trong thời gian hơn 360 ngày; và
2. Khoản vay PFI được bảo lãnh đã được phân loại là nhóm 5 (phải trích lập dự phòng 100%) theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan.

3.11. THỦ TỤC YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH

3.11.3. SỐ TIỀN YÊU CẦU THANH TOÁN TRONG TRƯỜNG HỢP XÓA SỔ KHOẢN VAY

Trong trường hợp mất khả năng thanh toán khoản vay PFI, PFI chỉ có thể gửi yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF đối với số tiền bị mất khả năng thanh toán (có thể là một phần khoản vay còn lại), tùy thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết. Có thể nộp yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF tối đa 50 phần trăm số tiền bị mất khả năng thanh toán và 50 phần trăm tiền lãi tích lũy nhưng chưa được thanh toán đến thời điểm đó (không bao gồm các khoản lãi phát sinh từ tiền phạt), tùy thuộc vào tỷ lệ bảo hiểm và số tiền được bảo lãnh tối đa được quy định trong Thư bảo lãnh RSF tương ứng

3.11.4. SỐ TIỀN YÊU CẦU THANH TOÁN TRONG TRƯỜNG HỢP TÁI CƠ CẤU KHOẢN VAY

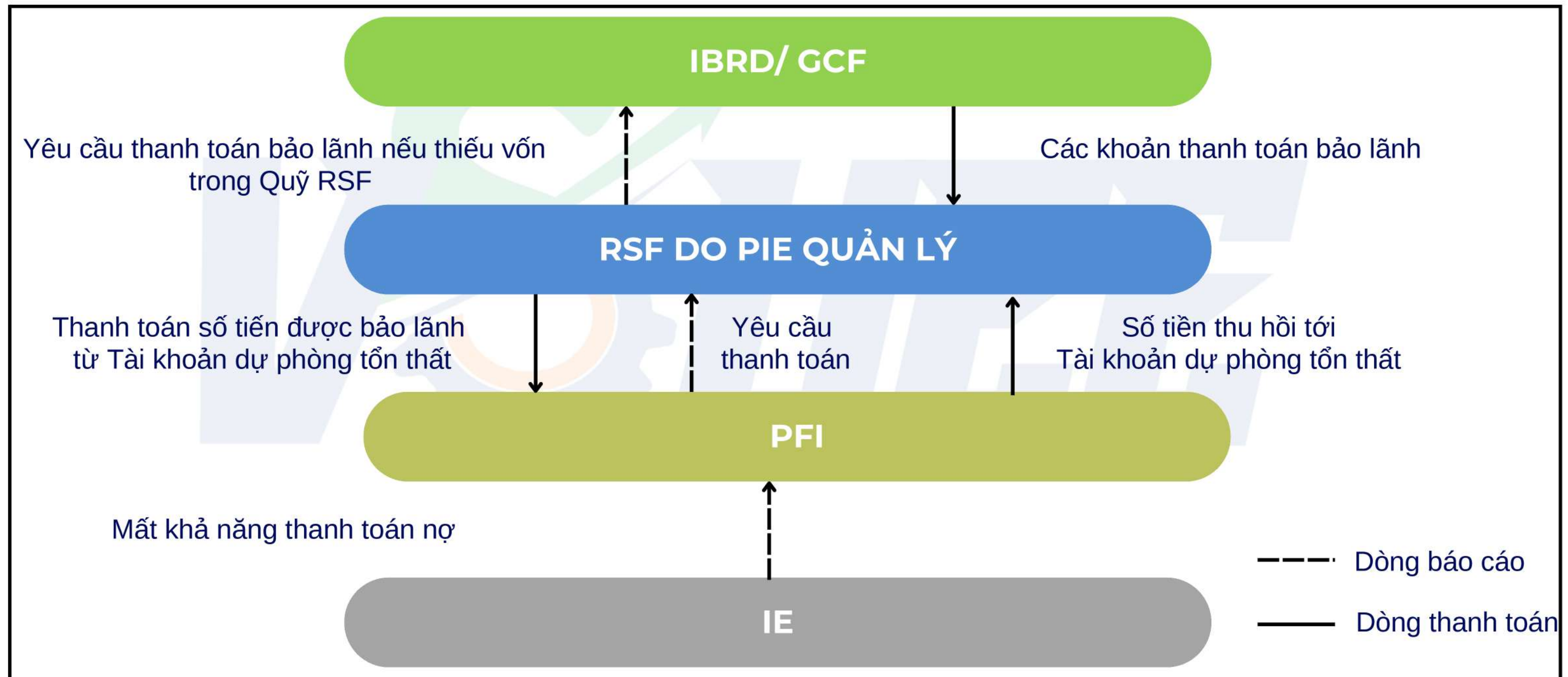
Trong trường hợp tái cơ cấu khoản vay, PFI có thể gửi yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF cho tối đa 50% số tiền chiết khấu gốc đã thỏa thuận tùy thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết.

3.11.5. SỐ TIỀN YÊU CẦU THANH TOÁN TRONG TRƯỜNG HỢP BÁN KHOẢN VAY

Trong trường hợp tái cơ cấu khoản vay, PFI có thể gửi yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF cho tối đa 50% số tiền chiết khấu gốc đã thỏa thuận tùy thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện tiên quyết.

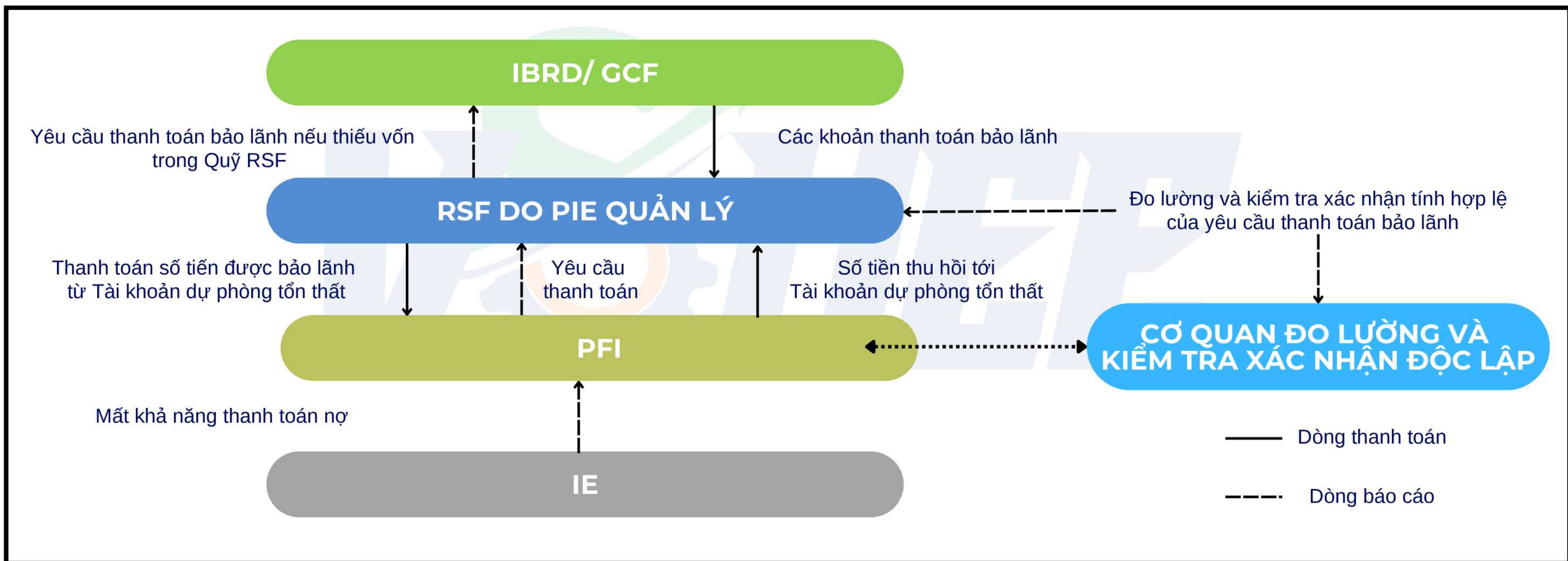
3.11.6. TỔNG QUAN VỀ CÁC YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH TRONG CÁC KỊCH BẢN BÊN VAY VỐN KHÁC NHAU

Trường hợp 1: IE là bên vay vốn



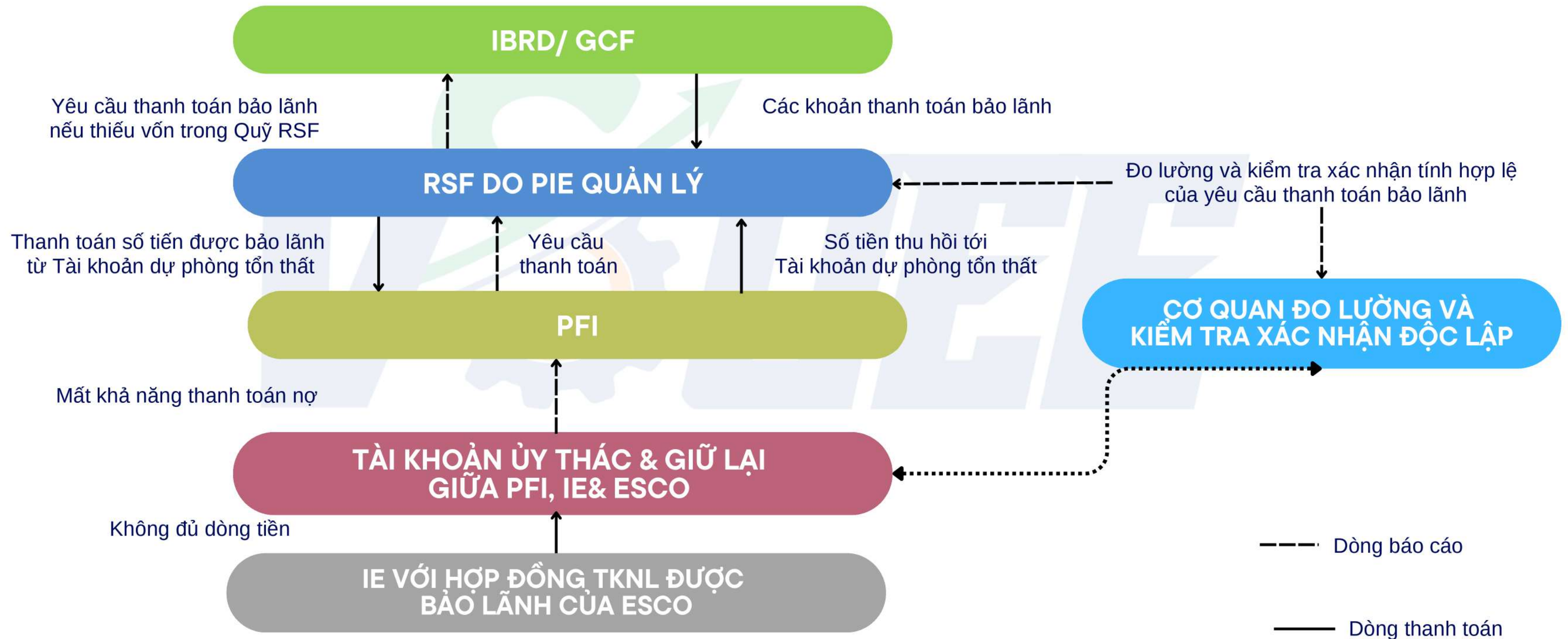
3.11.6. TỔNG QUAN VỀ CÁC YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH TRONG CÁC KỊCH BẢN BÊN VAY VỐN KHÁC NHAU

Trường hợp 2: ESCO là bên vay vốn theo mô hình chia sẻ mức tiết kiệm



3.11.6. TỔNG QUAN VỀ CÁC YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH TRONG CÁC KỊCH BẢN BÊN VAY VỐN KHÁC NHAU

Trường hợp 3: ESCO áp dụng mô hình đảm bảo mức tiết kiệm mà mất khả năng thanh toán với IE là bên vay vốn, không đủ tiền mặt để trả nợ sẽ dẫn đến mất khả năng thanh toán



3.12. HOÀN VỐN

3.12.1. QUY TRÌNH HOÀN VỐN TRƯỚC KHI LẬP YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH RSF

Sau khi Bên vay vốn không thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay PFI, PFI sẽ nỗ lực thu hồi và hoàn vốn thông thường theo tiêu chuẩn để:

1. Khôi phục khoản vay PFI về trạng thái hiện tại;
2. Thu hồi một phần số tiền bị mất khả năng thanh toán cho khoản vay PFI mà vẫn quá hạn.

Để tránh nghi ngờ, PFI phải thực hiện mọi nỗ lực thu hồi trong vòng 360 ngày trước khi nộp yêu cầu thanh toán bảo lãnh RSF.

3.12.2. QUY TRÌNH HOÀN VỐN SAU KHI LẬP YÊU CẦU THANH TOÁN BẢO LÃNH RSF

Sau khi PIE thực hiện thanh toán theo bảo lãnh RSF, PFI có nghĩa vụ phải tiếp tục nỗ lực thu hồi nợ, miễn là Chương trình RSF vẫn còn hoạt động, gửi báo cáo quý cho PIE về tiến trình nỗ lực thu hồi nợ trong 2 năm đầu và các năm tiếp theo. Nếu PFI cố gắng thu hồi nợ sau khi khoản thanh toán bảo lãnh RSF được thực hiện, thì PFI phải trả lại một phần số tiền đó cho Quỹ RSF, tương ứng với số tiền bảo lãnh RSF đã chi trả (trừ đi chi phí pháp lý và chi phí thu hồi nợ khác). Ví dụ: nếu PIE trả 50.000 USD cho PFI tương với số tiền vay bị mất khả năng thanh toán là 100.000 USD và PFI có thể thu hồi 30.000 USD với chi phí 10.000 USD thì PFI sẽ cần phải trả lại một nửa số tiền đã thu hồi thuần cho PIE, tức là 10.000 USD. Sau khi Chương trình RSF ngừng hoạt động, PFI vẫn có nghĩa vụ phải hoàn trả phần tiền tương ứng của bất kỳ khoản thu hồi nợ nào liên quan đến bảo lãnh RSF đã được thanh toán, trực tiếp về cho World Bank

3.13. XỬ LÝ NHỮNG SAI SÓT NGHIÊM TRỌNG, BẤT THƯỜNG, GIAN LẬN

Các PFI luôn luôn tuân thủ nguyên tắc thực hành chống tham nhũng và chế tài xử phạt của Ngân hàng Thế giới như được đề cập trong Thỏa thuận bảo lãnh khung (và được bao gồm trong Phụ lục 8). Việc không tuân thủ nguyên tắc này có thể dẫn đến việc chấm dứt (các) bảo lãnh RSF của PFI đó

3.14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa thuận bảo lãnh RSF hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác của dự án (ví dụ về hiệu lực hoặc giải thích các điều khoản thực hiện hoặc hiệu quả thực hiện của các bên), PIE và PFI (các Bên) trước tiên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết theo cách này trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi bắt đầu các cuộc thảo luận do một bên thông báo cho Bên kia hoặc lâu hơn khi các Bên đồng ý bằng văn bản tại thời điểm đó, thì một trong hai Bên có thể gửi khiếu nại giải quyết tranh chấp lần cuối lên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo các Quy tắc tố tụng trọng tài. Mọi chi phí liên quan đến giải quyết tranh chấp sẽ do các bên tương ứng chịu, ví dụ mỗi bên trả án phí riêng của mình theo quy định.



3.15. BỔ SUNG SỬA ĐỔI

Sổ tay hướng dẫn thực hiện là một tài liệu ràng buộc về mặt pháp lý và PIE có thể sửa đổi tùy thuộc vào sự chấp thuận của Bộ Công Thương, Ngân hàng Thế giới và các điều khoản hạn chế của GCF (xem Phụ lục 15).

PIE có thể đề nghị sửa đổi Sổ tay hướng dẫn thực hiện theo thời gian để cải thiện hiệu quả hoạt động của Quỹ. Sau khi Bộ Công Thương và Ngân hàng Thế giới (và GCF nếu có) phê duyệt bất kỳ đề xuất sửa đổi nào, thì PIE sẽ sửa đổi và cập nhật Sổ tay hướng dẫn thực hiện cho phù hợp





4. PHỤ LỤC

VUI LÒNG QUÉT MÃ QR ĐỂ XEM



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban quản lý Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam (VSUEE)

📍 Phòng 309, tòa B, Bộ Công Thương, số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎️ 024 2220 2356

🌐 <https://vsuee.vn/>

📘 <https://www.facebook.com/vsueevn/>

🌐 <https://www.linkedin.com/company/vsuee/>

Ban quản lý Quỹ chia sẻ rủi ro (RSF): Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

☎️ Mr. Đỗ Tuấn Linh – Điều phối viên Quỹ Chia sẻ Rủi ro RSF: 0904 837 899
Mr. Bùi Xuân Cảnh - Chuyên gia Thẩm định kỹ thuật: 0903443424

📍 Trụ sở: 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

